

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM  
CÔNG TY CP XI MĂNG VICEM BÚT SON

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1982/BTS-TCKT  
V/v công bố thông tin ký kết hợp đồng  
với người có liên quan của Công ty.

Hà Nam, ngày 05 tháng 11 năm 2024

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

- Tên công ty: Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn.**
- Mã chứng khoán: BTS.**
- Địa chỉ trụ sở chính: Xã Thanh Sơn-Huyện Kim Bảng-Tỉnh Hà Nam.**
- Điện thoại: 02263.851.323; Fax: 02263.851.320-02263.852.482.**
- Người thực hiện công bố thông tin.**

Người thực hiện công bố thông tin của Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn là Ông Phạm Trần Việt – Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn.

**6. Nội dung của thông tin công bố.**

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn xin công bố:  
Nghị quyết số 1980/BTS-HĐQT ngày 05/11/2024 của Hội đồng quản trị về việc chấp thuận việc ký hợp đồng tư vấn với Công ty Tư vấn Đầu tư phát triển xi măng.

**7. Địa chỉ Website đăng tải.**

Website: vicembutson.com.vn hoặc: vicembutson.vn.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- HĐQT, TGD Cty (để b/c);
- Lưu: VT, TCKT.

NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN

TL. TỔNG GIÁM ĐỐC

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Phạm Trần Việt

**NGHỊ QUYẾT**

**Về việc chấp thuận việc ký hợp đồng tư vấn  
với Công ty Tư vấn Đầu tư phát triển xi măng**

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM BÚT SƠN**

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Xi măng Vicem Bút Sơn;*

*Xét đề nghị của Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn tại Tờ trình số 1868/BTS-TGD ngày 23/10/2024 về việc đề nghị Hội đồng quản trị chấp thuận ký hợp đồng tư vấn với Công ty Tư vấn Đầu tư phát triển xi măng;*

*Căn cứ Biên bản tổng hợp phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị Công ty số 414/BTS-HĐQT ngày 01/11/2024 về việc ký hợp đồng tư vấn với Công ty Tư vấn Đầu tư phát triển xi măng.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Chấp thuận việc ký hợp đồng tư vấn với Công ty Tư vấn Đầu tư phát triển xi măng theo đề nghị của Tổng giám đốc Công ty tại Tờ trình số 1868/BTS-TGD ngày 23/10/2024.

**Điều 2.** Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm triển khai các thủ tục ký kết hợp đồng và thực hiện các nội dung khác có liên quan, đảm bảo hiệu quả và tuân thủ đúng các quy định hiện hành.

**Điều 3.** Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- VICEM (để b/c);
- Ban Kiểm soát;
- Lưu: VT, TC, HĐQT.



Hà Nam, ngày 23 tháng 10 năm 2024

## TỜ TRÌNH

### Về việc chấp thuận ký hợp đồng tư vấn với Công ty Tư vấn Đầu tư Phát triển Xi măng

Kính gửi: Hội đồng quản trị Công ty CP xi măng Vicem Bút Sơn

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP xi măng Vicem Bút Sơn;

Căn cứ Văn bản số 1230/VICEM-KTPC ngày 22/06/2023 vv các quy định về ký kết hợp đồng, giao dịch với người có liên quan;

Căn cứ Văn bản số 1109/VICEM-HĐTV ngày 10/7/2024 của Tổng Công ty xi măng Việt Nam về việc kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng năm 2024 của Công ty CP xi măng Vicem Bút Sơn;

Căn cứ Quyết định số 00786/QĐ-XMVN ngày 15/6/2010 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty công nghiệp xi măng Việt Nam về việc phân cấp tài chính và hạch toán kế toán của Công ty Tư vấn Đầu tư Phát triển Xi măng - Đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty mẹ - Vicem.

Để đáp ứng kịp thời tiến độ thực hiện Dự án cải tạo nâng công suất hệ thống nghiền xi măng dây chuyền 2, Công ty CP xi măng Vicem Bút Sơn đã triển khai công tác lựa chọn nhà thầu theo đúng các quy định của Luật Đấu thầu và các Luật có liên quan. Căn cứ kết quả hoàn thiện hợp đồng với nhà thầu, Công ty dự kiến ký hợp đồng với Công ty Tư vấn Đầu tư Phát triển Xi măng - đơn vị hạch toán phụ thuộc VICEM như sau:

STT	Tên đơn vị	Nội dung hợp đồng	Quan hệ với Vicem
1	Công ty Tư vấn Đầu tư Phát triển Xi măng	Tư vấn lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư Dự án cải tạo nâng công suất hệ thống nghiền xi măng dây chuyền 2	Đơn vị phụ thuộc

Căn cứ Khoản 1 và Khoản 2, Điều 167 Luật Doanh nghiệp 2020 quy định Hội đồng quản trị chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người có liên quan bao gồm: “**Cổ đông**, người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của công ty và người có liên quan của họ”.



Căn cứ Khoản a, b, Mục 23, Điều 4 Luật Doanh nghiệp 2020 quy định: Người có liên quan là cá nhân, tổ chức có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với doanh nghiệp bao gồm công ty mẹ, công ty con,...

Như vậy, VICEM (chiếm 79,5% cổ phần) là công ty mẹ và là cổ đông sở hữu trên 10% cổ phần của Vicem Bút Sơn; Công ty Tư vấn Đầu tư Phát triển Xi măng là người có liên quan của VICEM.

Thực hiện theo các quy định của pháp luật, Tổng Giám đốc báo cáo Hội đồng quản trị Công ty xem xét chấp thuận việc ký hợp đồng Tư vấn lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư Dự án cải tạo nâng công suất hệ thống nghiền xi măng dây chuyền 2 với Công ty Tư vấn Đầu tư Phát triển Xi măng. (Dự thảo hợp đồng đính kèm).

Kính trình Hội đồng quản trị xem xét chấp thuận.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Ban Kiểm soát;
- Lưu: VT.

TỔNG GIÁM ĐỐC



Đỗ Tiến Trình

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nam, ngày tháng năm 2024

# DỰ THẢO HỢP ĐỒNG

Số: /BTS-QLDA

Tư vấn lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư Dự án cải tạo nâng  
công suất hệ thống nghiền xi măng dây chuyền 2

GIỮA

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM BÚT SƠN

VÀ

CÔNG TY TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN XI MĂNG

**PHẦN I:**  
**CĂN CỨ KÝ HỢP ĐỒNG**

*Bộ luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành Bộ luật Dân sự;*

*Luật Thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Thương mại;*

*Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;*

*Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;*

*Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;*

*Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023 và các văn bản hướng dẫn thi hành;*

*Quyết định số 00786/QĐ-XMVN ngày 15/6/2010 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty công nghiệp xi măng Việt Nam về việc phân cấp tài chính và hạch toán kế toán của Công ty Tư vấn Đầu tư Phát triển Xi măng - Đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty mẹ - Vicem;*

*Văn bản số 1109/VICEM-HĐTV ngày 10/7/2024 của Tổng Công ty xi măng Việt Nam về việc kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng năm 2024 của Công ty CP xi măng Vicem Bút Sơn;*

*Biên bản hoàn thiện hợp đồng ngày ...../...../2024 giữa Công ty CP xi măng Vicem Bút Sơn và Công ty Tư vấn Đầu tư Phát triển Xi măng;*

*Quyết định số ...../BTS-QLDA ngày ...../...../2024 của Tổng Giám đốc Công ty CP xi măng Vicem Bút Sơn về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu của gói thầu: Tư vấn lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư Dự án cải tạo nâng công suất hệ thống nghiền xi măng dây chuyền 2;*

*Nhu cầu và khả năng của các Bên.*

**PHẦN II:**  
**CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA HỢP ĐỒNG**

Hôm nay, ngày ..... tháng ..... năm 2024, tại Văn phòng Công ty CP xi măng Vicem Bút Sơn, chúng tôi gồm:

**Chủ đầu tư (Bên A): Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn**

Mã số thuế	:	0700117613	
Địa chỉ trụ sở	:	Xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam	
Điện thoại	:	0226.3851.323;	Fax: 0226.3851.320
Đại diện	:	Ông <b>Đỗ Tiến Trình</b>	Chức vụ: Tổng Giám đốc
Tài khoản	:	Số 4820000906 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Nam	

Tài khoản : Số 0901008686868 tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Nam

**Bên nhận thầu (Bên B): Công ty Tư vấn Đầu tư Phát triển Xi măng**

Mã số thuế : 0100106320-004  
 Địa chỉ trụ sở : Ngõ 122 Phố Vĩnh Tuy, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội  
 Điện thoại : (024).38626774 Fax: (024).38623937  
 Đại diện : Ông **Đỗ Mạnh Cường** Chức vụ: Giám đốc  
 Tài khoản : Số 2220365566 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thanh Xuân, Hà Nội.

*Chủ đầu tư/Bên A và Bên nhận thầu/Bên B được gọi riêng là Bên và gọi chung là các Bên hoặc hai Bên.*

Các Bên tại đây thống nhất ký hợp đồng tư vấn lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư Dự án cải tạo nâng công suất hệ thống nghiền xi măng dây chuyền 2 (gọi tắt là "**Hợp đồng**") như sau:

**Điều 1. Giải thích từ ngữ**

Trong Hợp đồng này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- 1.1. "Hợp đồng" là thỏa thuận giữa Bên A và Bên B, thể hiện bằng văn bản, được hai bên ký kết, bao gồm cả phụ lục và tài liệu kèm theo.
- 1.2. "Chủ đầu tư/Bên A" là Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn.
- 1.3. "Nhà thầu/Bên B" là Công ty Tư vấn Đầu tư Phát triển Xi măng.
- 1.4. "Bên" là Chủ đầu tư/Bên A hoặc Nhà thầu/Bên B tùy theo hoàn cảnh cụ thể.
- 1.5. Đại diện Chủ đầu tư/Bên A: Ban QLDA xi măng Bút Sơn 2 sẽ đại diện Chủ đầu tư/Bên A trong quá trình thực hiện hợp đồng.
- 1.6. "Ngày" là ngày dương lịch, được tính liên tục, kể cả ngày lễ và ngày nghỉ cuối tuần.
- 1.7. "Tháng" được hiểu là tháng dương lịch.
- 1.8. "Sự kiện bất khả kháng" là các sự kiện được phát sinh từ những nguyên nhân khách quan khác nhau vượt quá tầm kiểm soát và dự kiến của Các Bên, Các Bên không biết và không thể biết trước được sẽ xảy ra như: chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, thiên tai, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch...

**Điều 2. Hồ sơ hợp đồng và thứ tự ưu tiên**

Hồ sơ hợp đồng và thứ tự ưu tiên từ trên xuống bao gồm các tài liệu sau đây:

- 2.1. Hợp đồng, các phụ lục Hợp đồng kèm theo (nếu có);
- 2.2. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
- 2.3. Biên bản hoàn thiện Hợp đồng;

2.4. Các tài liệu khác có liên quan.

### **Điều 3. Trao đổi thông tin, Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng trong hợp đồng**

3.1. Các thông báo, chấp thuận, chứng chỉ, quyết định,... đưa ra phải bằng văn bản và được chuyển đến bên nhận bằng đường bưu điện, bằng fax, hoặc email theo địa chỉ các bên đã quy định trong Hợp đồng.

3.2. Trường hợp bên nào thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo cho bên kia để đảm bảo việc trao đổi thông tin. Nếu bên thay đổi địa chỉ mà không thông báo cho bên kia thì phải chịu mọi hậu quả do việc thay đổi địa chỉ mà không thông báo.

3.3. Hợp đồng này chịu sự điều chỉnh của hệ thống pháp luật của Việt Nam.

3.4. Ngôn ngữ của Hợp đồng này được thể hiện bằng tiếng Việt.

### **Điều 4. Nội dung công việc thực hiện**

Bên A giao cho Bên B thực hiện các công việc lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án cải tạo nâng công suất hệ thống nghiền xi măng dây chuyền 2. Nội dung báo cáo được quy định tại Điều 53 của Luật Xây dựng năm 2014 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Luật số 62/2020/QH14 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Cụ thể Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư bao gồm:

- Sự cần thiết đầu tư và các điều kiện để thực hiện đầu tư xây dựng
- Dự kiến mục tiêu, quy mô, địa điểm và hình thức đầu tư xây dựng.
- Nhu cầu sử dụng đất và tài nguyên.
- Phương án thiết kế sơ bộ về xây dựng, thuyết minh, công nghệ, kỹ thuật và thiết bị phù hợp.
- Dự kiến thời gian thực hiện dự án.
- Sơ bộ tổng mức đầu tư, phương án huy động vốn; khả năng hoàn vốn, trả nợ vốn vay (nếu có); xác định sơ bộ hiệu quả kinh tế - xã hội và đánh giá tác động của dự án.

### **Điều 5. Chất lượng và các yêu cầu kỹ thuật**

5.1. Chất lượng sản phẩm tư vấn phải phù hợp với nội dung hợp đồng tư vấn ký kết giữa các bên; đảm bảo thực hiện đúng các quy định của pháp luật về quản lý dự án đầu tư xây dựng và quản lý chất lượng công trình xây dựng, quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho hợp đồng tư vấn xây dựng. Những sai sót trong sản phẩm của hợp đồng tư vấn xây dựng phải được Bên B hoàn chỉnh theo đúng các điều khoản thỏa thuận trong hợp đồng tư vấn xây dựng.

5.2. Số lượng hồ sơ sản phẩm tư vấn xây dựng của hợp đồng mà Bên B phải nộp cho Bên A là

- 02 bộ dự thảo (và file mềm dự thảo báo cáo gửi qua email, zalo);
- 08 bộ chính thức (và file mềm báo cáo chính thức gửi qua email, zalo).

5.3. Địa điểm và phương thức giao nộp: Nộp trực tiếp hoặc gửi bưu điện đến Công ty CP xi măng Vicem Bút Sơn (Xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam).

### **Điều 6. Nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng**



6.1. Căn cứ nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng:

- Hợp đồng tư vấn xây dựng đã ký kết giữa các bên.
- Hồ sơ Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án.
- Quy định của pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng được áp dụng cho hợp đồng tư vấn xây dựng.

6.2. Sau khi đã nhận đầy đủ hồ sơ, tài liệu sản phẩm tư vấn xây dựng lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư do Bên B cung cấp, Bên A căn cứ vào hợp đồng này, các tiêu chuẩn, quy chuẩn để tổ chức nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư. Những sai sót trong sản phẩm tư vấn xây dựng lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư Bên B phải hoàn chỉnh theo yêu cầu của Bên A.

## **Điều 7. Giá hợp đồng, loại hợp đồng, tạm ứng và thanh toán hợp đồng**

### **7.1. Giá hợp đồng:**

7.1.1. Giá hợp đồng được xác định với số tiền (đã bao gồm thuế GTGT): 206.967.273 VNĐ (Bằng chữ: Hai trăm linh sáu triệu, chín trăm sáu mươi bảy nghìn, hai trăm bảy mươi ba đồng). Chi tiết như sau:

Stt	Nội dung công việc	Chi phí xây dựng và thiết bị ước tính chưa gồm thuế GTGT (VNĐ)	Định mức chi phí lập	Thành tiền (VNĐ)
1	Lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư	154.545.454.545	0,00124	191.636.364
Thuế GTGT 8%				15.330.909
<b>Tổng cộng giá gói thầu đã gồm thuế GTGT</b>				<b>206.967.273</b>

Giá trị trên đã bao gồm thuế GTGT theo quy định của nhà nước và toàn bộ chi phí cần thiết để Bên B thực hiện các công việc chuyên môn của hợp đồng. Trong thời gian thực hiện Hợp đồng, nếu chính sách thuế GTGT có sự thay đổi theo quy định của Pháp luật làm thay đổi các mức thuế suất GTGT và giá trị Hợp đồng thì tùy từng thời điểm thực hiện các đợt thanh/quyết toán Bên A và Bên B sẽ áp dụng những thay đổi về thuế suất GTGT theo quy định hiện hành mà không cần phải ký các phụ lục điều chỉnh, bổ sung.

Giá trị quyết toán hợp đồng sẽ được tính căn cứ vào giá trị xây dựng và thiết bị (chưa bao gồm thuế GTGT) trong tổng mức đầu tư được duyệt và định mức chi phí lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư theo Thông tư 09/2024/TT-BXD ngày 30/8/2024 Sửa đổi, bổ sung một số định mức xây dựng ban hành tại Thông tư 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2022 của Bộ Xây dựng.

### 7.1.2. Nội dung của giá hợp đồng:

a) Nội dung của giá hợp đồng tư vấn xây dựng này bao gồm:

- Chi phí chuyên gia (tiền lương và các chi phí liên quan), chi phí vật tư vật liệu, máy móc, chi phí quản lý, chi phí bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp, thu nhập chịu thuế tính trước và thuế giá trị gia tăng.
- Chi phí cần thiết cho việc hoàn chỉnh sản phẩm tư vấn xây dựng sau các cuộc họp, báo cáo, kết quả thẩm định, phê duyệt.

- Chi phí đi thực địa.
  - Chi phí đi lại khi tham gia vào quá trình nghiệm thu theo yêu cầu của Bên A.
  - Chi phí khác có liên quan.
- b) Giá hợp đồng tư vấn xây dựng không bao gồm:
- Chi phí cho các cuộc họp của Bên A.
  - Chi phí thẩm tra, phê duyệt sản phẩm của hợp đồng tư vấn xây dựng.
  - Chi phí chưa tính trong giá hợp đồng mà các bên đã thỏa thuận, đảm bảo phù hợp quy định về quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

**7.2. Loại hợp đồng:** Trọn gói.

**7.3. Tạm ứng:** Bên A sẽ tạm ứng cho Bên B 30% giá trị hợp đồng, tương ứng 62.090.000 đồng (*Bằng chữ: Sáu mươi hai triệu, không trăm chín mươi nghìn đồng*) sau khi hợp đồng được hai Bên ký kết và Bên A nhận được văn bản đề nghị tạm ứng (bản chính) của Bên B.

**7.4. Thanh toán, quyết toán thanh lý hợp đồng:**

- a) Tiến độ thanh toán: Số lần thanh toán là 02 lần.
- b) Giá trị mà Bên A sẽ thanh toán cho Bên B theo các lần thanh toán cụ thể là:
- Lần 1: Bên A sẽ thanh toán đến 70% giá trị hợp đồng (bao gồm giá trị đã tạm ứng) sau khi Bên B hoàn thành Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án gửi cho Bên A và được Bên A trình VICEM xin thỏa thuận phê duyệt.
  - Lần 2: Sau khi hai bên ký quyết toán hợp đồng, Bên A sẽ thanh toán cho Bên B số tiền còn lại theo giá trị quyết toán hợp đồng.

Khoảng thời gian Bên A phải thanh toán cho Bên B khi nhận đủ hồ sơ đề nghị thanh toán hợp lệ của Bên B là 30 ngày.

c) Hồ sơ thanh toán gồm:

- Hồ sơ thanh toán lần 1:
  - + Biên bản giao nhận hồ sơ tài liệu.
  - + Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án.
  - + Văn bản đề nghị thanh toán.
  - + Hóa đơn giá trị gia tăng.
- Hồ sơ thanh toán lần 2:
  - + Biên bản nghiệm thu hoàn thành.
  - + Bảng tính giá trị khối lượng phát sinh ngoài phạm vi Hợp đồng (nếu có).
  - + Biên bản quyết toán hợp đồng.
  - + Văn bản đề nghị thanh toán.
  - + Hóa đơn giá trị gia tăng.

**7.5. Hình thức thanh toán:** Chuyển khoản.

**7.6. Đồng tiền thanh toán:** Việt Nam đồng.

## **Điều 8. Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng**

8.1. Thời gian thực hiện hợp đồng: 60 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực, Bên B nhận được tiền tạm ứng của Bên A và Bên B nhận được đầy đủ số liệu, tài liệu do Bên A cung cấp để phục vụ công việc của hợp đồng (Thời gian trên không bao gồm thời gian xem xét, góp ý của Bên A, thời gian thẩm tra, thẩm định, phê duyệt và các trường hợp bất khả kháng).

8.2. Tiến độ chi tiết:

- Thời gian bắt đầu: Từ ngày hợp đồng có hiệu lực, Bên B nhận được tiền tạm ứng của Bên A và Bên B nhận được đầy đủ số liệu, tài liệu do Bên A cung cấp để phục vụ công việc của Hợp đồng;

- Hồ sơ Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư (bộ dự thảo): 30 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực, Bên B sẽ giao nộp dự thảo Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư cho Bên A xem xét, góp ý.

- Hồ sơ Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư (bộ chính thức): Bên B hiệu chỉnh, hoàn thiện và nộp cho Bên A trong vòng 30 ngày kể từ ngày Bên B nhận được ý kiến góp ý của Bên A (không quá 02 lần góp ý).

Sau 30 ngày kể từ khi Bên B giao nộp sản phẩm dự thảo/chính thức, nếu Bên A không có ý kiến khác, sản phẩm coi như đã được Bên A chấp thuận nghiệm thu.

8.3. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, trường hợp Bên B hoặc Bên A gặp khó khăn dẫn đến chậm trễ thời gian thực hiện hợp đồng thì một bên phải thông báo cho bên kia biết, đồng thời nêu rõ lý do cùng thời gian dự tính kéo dài. Sau khi nhận được thông báo kéo dài thời gian của một bên, bên kia sẽ nghiên cứu xem xét. Trường hợp chấp thuận gia hạn hợp đồng, các bên sẽ thương thảo và ký kết Phụ lục bổ sung hợp đồng.

8.4. Việc gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng không được phép làm tăng giá hợp đồng nếu việc chậm trễ do lỗi của Bên B.

## **Điều 9. Điều chỉnh hợp đồng**

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu cần phải điều chỉnh hợp đồng thì trong khoảng thời gian 05 ngày kể từ khi nhận được đề nghị điều chỉnh hợp đồng của Bên A hoặc Bên B, bên nhận được đề nghị có trách nhiệm xem xét và đưa ra các yêu cầu cụ thể cho việc điều chỉnh này làm cơ sở để hai bên thương thảo và ký kết Phụ lục hợp đồng.

9.1. Điều chỉnh khối lượng công việc

Việc điều chỉnh khối lượng công việc trong hợp đồng thực hiện theo quy định tại Điều 37 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 50/2021/NĐ-CP và Điều 4 Thông tư số 02/2023/TT-BXD ngày 03 tháng 03 năm 2023 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng xây dựng.

Các trường hợp được điều chỉnh khối lượng, phạm vi và trình tự, thủ tục điều chỉnh khối lượng:

- Việc điều chỉnh hợp đồng chỉ được áp dụng trong thời gian thực hiện hợp đồng bao gồm cả thời gian được gia hạn thực hiện hợp đồng theo quy định của pháp luật.

- Chỉ được điều chỉnh hợp đồng cho những khối lượng công việc bổ sung ngoài phạm vi công việc theo hợp đồng đã ký.

## 9.2. Điều chỉnh tiến độ

- Việc điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng thực hiện theo quy định tại Điều 39 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP.

- Khi điều chỉnh tiến độ hợp đồng xây dựng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 39 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP, Bên A và Bên B có trách nhiệm đánh giá tác động của các sự kiện bất khả kháng đến tiến độ thực hiện hợp đồng xây dựng để xác định, quyết định điều chỉnh cho phù hợp.

- Trường hợp tạm dừng thực hiện công việc theo yêu cầu của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 39 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP cần thực hiện các công việc sau:

+ Bên A, Bên B căn cứ yêu cầu tạm dừng của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền, đánh giá tác động đến tiến độ thực hiện hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định, thỏa thuận điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng.

+ Trường hợp phát sinh chi phí do kéo dài thời gian thực hiện hợp đồng thì Bên A, Bên B căn cứ nội dung hợp đồng, hướng dẫn của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền về sự kiện dẫn đến tạm dừng thực hiện hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định, thỏa thuận về các khoản mục chi phí phát sinh hợp lý.

Các trường hợp được điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng:

- Do ảnh hưởng của động đất, bão, lũ, lụt, sóng thần, hỏa hoạn, dịch bệnh, dịch họa hoặc các sự kiện bất khả kháng khác.

- Thay đổi, điều chỉnh dự án, phạm vi công việc, thiết kế theo yêu cầu của Bên A làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng.

- Tạm dừng thực hiện công việc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà không do lỗi của bên giao thầu gây ra.

9.3. Điều chỉnh các nội dung khác của Hợp đồng này thì các bên thống nhất điều chỉnh trên cơ sở các thỏa thuận trong Hợp đồng và quy định của pháp luật có liên quan.

## **Điều 10. Quyền và nghĩa vụ của Bên B**

### 10.1. Quyền của Bên B:

a) Yêu cầu Bên A cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nhiệm vụ tư vấn và phương tiện làm việc theo thỏa thuận hợp đồng (nếu có).

b) Được đề xuất thay đổi điều kiện cung cấp dịch vụ tư vấn vì lợi ích của Bên A hoặc khi phát hiện các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm tư vấn.

c) Từ chối thực hiện công việc không hợp lý ngoài phạm vi hợp đồng và những yêu cầu trái pháp luật của Bên A.

d) Được đảm bảo quyền tác giả theo quy định của pháp luật (đối với sản phẩm tư vấn có quyền tác giả).

đ) Được quyền yêu cầu Bên A thanh toán đúng hạn, yêu cầu thanh toán các khoản lãi vay do chậm thanh toán theo quy định.

### 10.2. Nghĩa vụ của Bên B:

a) Hoàn thành công việc đúng tiến độ, chất lượng theo thỏa thuận trong hợp đồng.

b) Bảo quản và giao lại cho Bên A những tài liệu và phương tiện làm việc do Bên A cung cấp theo hợp đồng sau khi hoàn thành công việc (nếu có).

c) Thông báo ngay bằng văn bản cho Bên A về những thông tin, tài liệu không đầy đủ, phương tiện làm việc không đảm bảo chất lượng để hoàn thành công việc.

d) Giữ bí mật thông tin liên quan đến dịch vụ tư vấn mà hợp đồng và pháp luật có quy định.

đ) Thu thập các thông tin cần thiết để phục vụ cho công việc của hợp đồng:

Bên B phải thu thập các thông tin liên quan đến các vấn đề có thể ảnh hưởng đến tiến độ, giá hợp đồng hoặc trách nhiệm của Bên B theo hợp đồng, hoặc các rủi ro có thể phát sinh cho Bên B trong việc thực hiện công việc tư vấn xây dựng được quy định trong hợp đồng.

Trường hợp lỗi trong việc thu thập thông tin, hoặc bất kỳ vấn đề nào khác của Bên B để hoàn thành công việc tư vấn xây dựng theo các điều khoản được quy định trong hợp đồng thì Bên B phải chịu trách nhiệm.

e) Thực hiện công việc đúng pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho hợp đồng và đảm bảo rằng nhà thầu phụ (nếu có), nhân lực của tư vấn và nhà thầu phụ sẽ luôn tuân thủ luật pháp.

g) Nộp cho Bên A các báo cáo và các tài liệu với số lượng và thời gian quy định trong hợp đồng. Bên B thông báo đầy đủ và kịp thời tất cả các thông tin liên quan đến công việc tư vấn xây dựng có thể làm chậm trễ hoặc cản trở việc hoàn thành các công việc theo tiến độ và đề xuất giải pháp thực hiện.

h) Bên B có trách nhiệm trình bày và bảo vệ các quan điểm về các nội dung của công việc tư vấn xây dựng trong các buổi họp trình duyệt của các cấp có thẩm quyền do Bên A tổ chức.

i) Sản phẩm tư vấn xây dựng phải được thực hiện bởi các chuyên gia có đủ điều kiện năng lực hành nghề theo quy định của pháp luật. Bên B phải sắp xếp, bố trí nhân lực của mình hoặc của nhà thầu phụ có kinh nghiệm và năng lực cần thiết để thực hiện công việc tư vấn xây dựng.

j) Cử đại diện có đủ thẩm quyền, năng lực để giải quyết các công việc còn vướng mắc tại bất kỳ thời điểm theo yêu cầu của Bên A cho tới ngày nghiệm thu sản phẩm tư vấn lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư.

k) Cung cấp hồ sơ, tài liệu phục vụ cho các cuộc họp, báo cáo, thẩm định,... với số lượng và thời gian theo đúng tiến độ được thỏa thuận trong hợp đồng tư vấn xây dựng đã ký kết.

l) Tuân thủ các yêu cầu và hướng dẫn của Bên A, trừ những hướng dẫn hoặc yêu cầu trái với luật pháp hoặc không thể thực hiện được.

m) Bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra khi thực hiện không đúng nội dung hợp đồng tư vấn xây dựng đã ký kết.

## **Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Bên A**

### **11.1. Quyền của Bên A:**

a) Được quyền sở hữu và sử dụng sản phẩm tư vấn xây dựng theo hợp đồng.

b) Từ chối nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng không đạt chất lượng theo hợp đồng.

c) Kiểm tra chất lượng công việc của Bên B nhưng không làm cản trở hoạt động bình thường của Bên B.

d) Yêu cầu sửa đổi, bổ sung sản phẩm tư vấn không đảm bảo chất lượng theo thỏa thuận hợp đồng.

đ) Yêu cầu Bên B thay đổi cá nhân tư vấn không đáp ứng được yêu cầu năng lực theo quy định.

#### 11.2. Nghĩa vụ của Bên A:

a) Cung cấp cho Bên B thông tin về yêu cầu công việc, tài liệu, bảo đảm thanh toán và các phương tiện cần thiết để thực hiện công việc theo thỏa thuận trong hợp đồng (nếu có).

b) Bảo đảm quyền tác giả đối với sản phẩm tư vấn có quyền tác giả theo hợp đồng.

c) Giải quyết kiến nghị của Bên B theo thẩm quyền trong quá trình thực hiện hợp đồng đúng thời hạn do các bên thỏa thuận trong hợp đồng.

d) Thanh toán đầy đủ cho Bên B theo đúng tiến độ thanh toán đã thỏa thuận trong hợp đồng.

đ) Hướng dẫn Bên B về những nội dung liên quan đến dự án; tạo điều kiện để Bên B được tiếp cận với công trình, thực địa.

e) Cử người có năng lực phù hợp để làm việc với Bên B.

g) Tạo điều kiện cho Bên B thực hiện công việc tư vấn xây dựng, thủ tục hải quan (nếu có).

h) Chịu trách nhiệm về tính chính xác và đầy đủ của các tài liệu do mình cung cấp. Bồi thường thiệt hại cho Bên B nếu Bên A cung cấp thông tin không chính xác, không đầy đủ theo quy định của hợp đồng.

#### **Điều 12. Nhân lực của Bên B**

12.1. Nhân lực của Bên B và nhà thầu phụ phải đủ điều kiện năng lực, có chứng chỉ hành nghề theo quy định, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm phù hợp về nghề nghiệp, công việc của họ và phù hợp với quy định về điều kiện năng lực trong pháp luật xây dựng.

12.2. Trường hợp thay đổi nhân sự, Bên B phải trình bày lý do, đồng thời cung cấp lý lịch của người thay thế cho Bên A, người thay thế phải có trình độ tương đương hoặc cao hơn người bị thay thế. Nếu Bên A không có ý kiến về nhân sự thay thế trong vòng 07 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của Bên B thì nhân sự đó coi như được Bên A chấp thuận.

12.3. Bên A có quyền yêu cầu Bên B thay thế nhân sự nếu người đó không đáp ứng được yêu cầu của Bên A hoặc không đúng với yêu cầu trong hợp đồng. Trong trường hợp này, Bên B phải gửi văn bản thông báo cho Bên A trong vòng 07 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của Bên A về việc thay đổi nhân sự. Trừ trường hợp có thỏa thuận khác, mọi chi phí phát sinh do thay đổi nhân sự do Bên B chịu. Mức thù lao cho nhân sự thay thế không vượt mức thù lao cho người bị thay thế.

12.4. Bên B có thể điều chỉnh thời gian làm việc của nhân sự nếu cần thiết nhưng không làm tăng giá hợp đồng. Những điều chỉnh khác chỉ được thực hiện khi được Bên A chấp thuận.

12.5. Bên B tổ chức thực hiện công việc theo tiến độ đã thỏa thuận. Giờ làm việc, làm việc ngoài giờ, thời gian làm việc, ngày nghỉ,... thực hiện theo Bộ Luật Lao động. Bên B không được tính thêm chi phí làm ngoài giờ (giá hợp đồng đã bao gồm chi phí làm ngoài giờ).

### **Điều 13. Bản quyền và quyền sử dụng tài liệu**

Bên B sẽ giữ bản quyền công việc tư vấn do mình thực hiện. Bên A được toàn quyền sử dụng các tài liệu này để phục vụ công việc quy định trong hợp đồng mà không cần phải xin phép Bên B.

Bên B phải cam kết rằng sản phẩm tư vấn do Bên B thực hiện và cung cấp cho Bên A không vi phạm bản quyền hoặc quyền sở hữu trí tuệ của bất cứ cá nhân hoặc bên thứ ba nào.

Bên A sẽ không chịu trách nhiệm hoặc hậu quả nào từ việc khiếu nại sản phẩm tư vấn theo hợp đồng này đã vi phạm bản quyền hay quyền sở hữu trí tuệ của một cá nhân hay bên thứ ba nào khác.

### **Điều 14. Rủi ro và bất khả kháng**

14.1. Rủi ro là nguy cơ ảnh hưởng tiêu cực đến việc thực hiện hợp đồng xây dựng trong tương lai. Trong hợp đồng xây dựng các bên phải quy định trách nhiệm của mỗi bên về quản lý và xử lý rủi ro của mình; trách nhiệm khắc phục hậu quả của mỗi bên trong trường hợp gặp rủi ro.

14.2. Bất khả kháng là một sự kiện rủi ro xảy ra một cách khách quan không thể lường trước khi ký kết hợp đồng xây dựng và không thể khắc phục được khi nó xảy ra mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép, phù hợp với tiêu chí được quy định tại khoản 2 Điều 51 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP và khoản 1 Điều 156 Luật Dân sự.

14.3. Thông báo về bất khả kháng:

a) Khi một bên gặp tình trạng bất khả kháng thì phải thông báo bằng văn bản cho bên kia trong thời gian sớm nhất, trong thông báo phải nêu rõ các nghĩa vụ, công việc liên quan đến hậu quả của bất khả kháng.

b) Bên thông báo được miễn thực hiện công việc thuộc trách nhiệm của mình trong thời gian xảy ra bất khả kháng ảnh hưởng đến công việc theo nghĩa vụ hợp đồng.

14.4. Trách nhiệm của các bên đối với rủi ro:

a) Đối với những rủi ro đã tính trong giá hợp đồng thì khi rủi ro xảy ra Bên B phải chịu trách nhiệm bằng kinh phí của mình.

b) Đối với những rủi ro đã được mua bảo hiểm thì chi phí khắc phục hậu quả các rủi ro này do đơn vị bảo hiểm chi trả và không được tính vào giá hợp đồng.

c) Bên B phải bồi thường và gánh chịu những tổn hại cho Bên A đối với các hỏng hóc, mất mát và các chi phí (bao gồm phí và các chi phí pháp lý) có liên quan do lỗi của mình gây ra.

d) Bên A phải bồi thường những tổn hại cho Bên B đối với các thiệt hại, mất mát và chi phí (bao gồm phí và các chi phí pháp lý) liên quan do lỗi của mình gây ra.

14.5. Trách nhiệm của các bên đối với bất khả kháng:

a) Nếu Bên B bị cản trở thực hiện nhiệm vụ của mình theo hợp đồng do bất khả kháng mà đã thông báo theo các điều khoản của hợp đồng dẫn đến chậm thực hiện công việc và phát sinh chi phí do bất khả kháng, Bên B sẽ có quyền đề nghị xử lý như sau:

- Được kéo dài thời gian do sự chậm trễ theo quy định của hợp đồng (gia hạn thời gian hoàn thành).

- Được thanh toán các chi phí phát sinh theo các điều khoản quy định trong hợp đồng.

b) Bên A phải xem xét quyết định các đề nghị của Bên B.

c) Việc xử lý hậu quả bất khả kháng không áp dụng đối với các nghĩa vụ thanh toán tiền của bất cứ bên nào cho bên kia theo hợp đồng.

14.6. Chấm dứt và thanh toán hợp đồng trong trường hợp bất khả kháng (nếu có):

a) Nếu việc thực hiện các công việc của hợp đồng bị dừng do bất khả kháng đã được thông báo theo quy định của hợp đồng trong khoảng thời gian mà tổng số ngày bị dừng lớn hơn số ngày do bất khả kháng đã được thông báo, thì một trong hai bên có quyền gửi thông báo chấm dứt hợp đồng cho bên kia.

b) Đối với trường hợp chấm dứt này, Bên A sẽ phải thanh toán cho Bên B:

- Các khoản thanh toán cho bất kỳ công việc nào đã được hoàn thành theo giá đã được nêu trong hợp đồng.

- Chi phí cho thiết bị và vật tư được đặt hàng cho công trình đã được chuyển tới cho Bên B, hoặc những thứ Bên B có trách nhiệm chấp nhận giao hàng: Thiết bị và vật tư này sẽ trở thành tài sản (và là rủi ro) của Bên A khi đã được Bên A thanh toán và Bên B sẽ để cho Bên A sử dụng.

## **Điều 15. Tạm ngừng công việc trong hợp đồng**

15.1. Tạm ngừng công việc bởi Bên A

Nếu Bên B không thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng, Bên A có thể tạm ngừng toàn bộ hoặc một phần công việc của Bên B bằng văn bản thông báo. Trong nội dung văn bản, Bên A phải nêu rõ phần lỗi của Bên B và yêu cầu Bên B phải thực hiện và sửa chữa các sai sót trong khoảng thời gian hợp lý cụ thể, đồng thời Bên B phải bồi thường thiệt hại cho Bên A do tạm ngừng công việc.

15.2. Tạm ngừng công việc bởi Bên B

a) Nếu Bên A không thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng, không thanh toán theo các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng này quá 28 ngày kể từ ngày hết hạn thanh toán, sau khi thông báo cho Bên A, Bên B có thể sẽ tạm ngừng công việc (hoặc giảm tỷ lệ công việc).

b) Sau khi Bên A thực hiện các nghĩa vụ của mình theo hợp đồng, Bên B phải tiếp tục tiến hành công việc bình thường ngay khi có thể được.



c) Nếu các chi phí phát sinh là hậu quả của việc tạm ngừng công việc (hoặc do giảm tỷ lệ công việc) theo khoản này, Bên B phải thông báo cho Bên A để xem xét. Sau khi nhận được thông báo, Bên A xem xét và có ý kiến về các vấn đề đã nêu.

15.3. Trước khi tạm ngừng thực hiện công việc trong hợp đồng thì một bên phải thông báo cho bên kia biết bằng văn bản trong đó nêu rõ lý do tạm ngừng công việc thực hiện. Hai bên cùng nhau thương lượng giải quyết để tiếp tục thực hiện hợp đồng

## **Điều 16. Chấm dứt hợp đồng**

### **16.1. Chấm dứt hợp đồng bởi Bên A**

Bên A có thể chấm dứt hợp đồng sau 28 ngày kể từ ngày gửi văn bản kết thúc hợp đồng đến Bên B. Bên A sẽ được quyền chấm dứt hợp đồng khi:

a) Bên B không sửa chữa được sai sót nghiêm trọng mà Bên B không thể khắc phục được trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình trong vòng 07 ngày mà Bên A có thể chấp nhận được kể từ ngày nhận được thông báo của Bên A về sai sót đó.

b) Bên B không có lý do chính đáng mà không tiếp tục thực hiện công việc theo Điều 8 [Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng], 45 ngày liên tục không thực hiện công việc theo hợp đồng.

c) Chuyển nhượng hợp đồng mà không có sự thỏa thuận của Bên A.

d) Bên B bị phá sản hoặc vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản, phải thương lượng với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự giám sát của người quản lý tài sản, người được ủy quyền hoặc người quản lý vì lợi ích của chủ nợ hoặc đã có hành động hoặc sự kiện nào xảy ra (theo các Luật được áp dụng) có ảnh hưởng tương tự tới các hoạt động hoặc sự kiện này.

đ) Bên B từ chối không tuân theo quyết định cuối cùng đã đạt được thông qua Tòa án Nhân dân phân xử tại Điều 17 [Giải quyết tranh chấp].

e) Bên B cố ý trình Bên A các tài liệu không đúng sự thật gây ảnh hưởng đến quyền lợi, nghĩa vụ và lợi ích của Bên A.

g) Trường hợp bất khả kháng quy định tại Điều 14 [Rủi ro và bất khả kháng].

Sau khi chấm dứt hợp đồng, Bên A có thể thuê các nhà thầu khác thực hiện tiếp công việc tư vấn. Bên A và các nhà thầu này có thể sử dụng bất cứ tài liệu nào đã có.

### **16.2. Chấm dứt hợp đồng bởi Bên B**

Bên B có thể chấm dứt hợp đồng nhưng phải thông báo bằng văn bản trước cho Bên A tối thiểu là 28 ngày trong các trường hợp sau đây:

a) Công việc bị ngừng do lỗi của Bên A trong khoảng thời gian 45 ngày.

b) Bên A không thanh toán cho Bên B theo hợp đồng và không thuộc đối tượng tranh chấp theo Điều 17 [Giải quyết tranh chấp] sau khoảng thời gian 30 ngày kể từ ngày Bên A nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ.

c) Bên A không tuân theo quyết định cuối cùng đã đạt được thông qua Tòa án Nhân dân phân xử tại Điều 17 [Giải quyết tranh chấp].

d) Do hậu quả của sự kiện bất khả kháng mà Bên B không thể thực hiện một phần quan trọng công việc trong thời gian 07 ngày.

đ) Bên A bị phá sản, vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản phải điều đình với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự điều hành của người được ủy thác hoặc người đại diện cho quyền lợi của chủ nợ hoặc nếu đã có hành động hoặc sự kiện nào đó xảy ra (theo các Luật hiện hành) có tác dụng tương tự tới các hành động hoặc sự kiện đó.

16.3. Khi chấm dứt hợp đồng, thì các quyền và nghĩa vụ của các bên sẽ chấm dứt trừ điều khoản về giải quyết tranh chấp.

16.4. Khi một trong hai bên chấm dứt hợp đồng thì ngay khi gửi hay nhận văn bản chấm dứt hợp đồng, Bên B sẽ thực hiện các bước cần thiết để kết thúc công việc tư vấn một cách nhanh chóng và cố gắng để giảm tối đa mức chi phí.

16.5. Thanh toán khi chấm dứt hợp đồng: Việc thanh toán thực hiện theo Điều 7 [Giá hợp đồng, loại hợp đồng, tạm ứng và thanh toán hợp đồng] cho các công việc đã thực hiện trước ngày chấm dứt có hiệu lực (bao gồm chi phí chuyên gia, chi phí mua sắm thiết bị, các chi phí khác,...).

### **Điều 17. Giải quyết tranh chấp**

17.1. Mọi tranh chấp phát sinh từ việc thực hiện hợp đồng sẽ được giải quyết thông qua thương lượng, hòa giải giữa các Bên. Nếu việc thương lượng, hòa giải không đạt kết quả thì tranh chấp sẽ được đưa ra giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Quyết định của Tòa án là quyết định cuối cùng và có hiệu lực thi hành với các Bên. Bên có lỗi theo phán quyết của Tòa án có trách nhiệm chi trả mọi chi phí tố tụng.

17.2. Hợp đồng bị vô hiệu, chấm dứt không ảnh hưởng đến hiệu lực của các điều khoản về giải quyết tranh chấp.

### **Điều 18. Thương, phạt, bồi thường thiệt hại**

18.1. Thương hợp đồng: Không áp dụng.

18.2. Phạt vi phạm hợp đồng

Thời gian chậm tiến độ thực hiện hợp đồng là mỗi ngày chậm. Tỷ lệ phạt là 0,05 % giá hợp đồng cho mỗi ngày chậm và bồi thường mọi thiệt hại (nếu có). Bên B vi phạm bất kỳ nghĩa vụ của hợp đồng này sẽ bị phạt vi phạm với mức tối đa là 12% giá trị hợp đồng bị vi phạm.

18.3. Bồi thường thiệt hại: Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế.

### **Điều 19. Điều khoản chung**

19.1. Các bên đồng ý với tất cả các điều khoản, quy định và điều kiện của hợp đồng này. Không có cơ quan nào hoặc đại diện của bên nào có quyền đưa ra tuyên bố, trình bày, hứa hẹn hoặc thỏa thuận nào mà không được nêu ra trong hợp đồng; Không bên nào bị ràng buộc hoặc có trách nhiệm trước các điều đó.

19.2. Các bên cam kết thực hiện một cách trung thực, công bằng và đảm bảo để thực hiện theo mục tiêu của hợp đồng.

19.3. Hợp đồng sẽ vẫn còn giá trị ràng buộc thực hiện giữa hai Bên nếu có sự thay đổi người đại diện theo pháp luật của mỗi Bên hay việc chuyển đổi loại hình doanh nghiệp, mua bán, sáp nhập doanh nghiệp mà mỗi Bên thực hiện sau khi Hợp đồng có hiệu lực.

19.4. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày được hai Bên ký kết cho đến khi hai Bên thanh lý hợp đồng hoặc hai Bên đã hoàn thành đầy đủ mọi quyền và nghĩa vụ của mình. Hợp đồng được lập thành 8 bản bằng tiếng Việt có nội dung và giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 06 (sáu) bản, Bên B giữ 02 (hai) bản để thực hiện./.

**ĐẠI DIỆN BÊN B  
GIÁM ĐỐC**

**ĐẠI DIỆN BÊN A  
TỔNG GIÁM ĐỐC**

**Đỗ Mạnh Cường**

**Đỗ Tiến Trình**

